

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS-ST

Ngày: 25/7/2023

“Tranh chấp dân sự về
hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Hoài Lượm

2. Bà Đỗ Thị Thúy

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Dương Hoàng Thân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:* Ông Hà Duy Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 53/202022/TLST- DS ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Trương Tấn L**, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hiền V, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Là đại diện ủy quyền của nguyên đơn theo giấy ủy quyền được UBND xã T, huyện G chứng thực ngày 12/12/2022

Bị đơn:

- **Bà Huỳnh Thị H**, sinh năm 1987 (có mặt)

- **Ông Nguyễn Văn V1**, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp K, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **ông Trương Hồng P**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Phạm Hiền V trình bày:

Được ông Trương Hồng P giới thiệu, ngày 03/7/2022, bà Huỳnh Thị H và chồng là ông Nguyễn Văn V1 có vay của ông Trương Tấn L số tiền 410.000.000 đồng để đáo hạn trả nợ ngân hàng, ông, bà hứa khi đáo hạn ngân hàng xong sẽ trả lại ông L toàn bộ số tiền trên và trả thêm một phần tiền lãi. Tuy nhiên do ông V1, bà H không thực hiện đúng cam kết nên ngày 21/7/2022 ông, bà có làm giấy nhận nợ với ông L hẹn đến ngày 21/9/2022 sẽ trả toàn bộ số tiền trên. Vào ngày 14/9/2022 bà H, ông V1 có trả cho ông L số tiền 200.000.000 đồng và còn nợ lại 210.000.000 đồng. Do nhiều lần yêu cầu yêu cầu bị đơn tiếp tục thanh toán khoản nợ còn lại nhưng không có kết quả nên ông L đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện G yêu cầu bà H và ông V1 thanh toán toàn bộ số tiền nợ là 210.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày 21/9/2022 cho đến khi vụ án được giải quyết xong.

Tại bản tự khai và các lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Văn V1 đều thống nhất trình bày như sau:

Vào khoảng tháng 7/2022, thông qua sự giới thiệu của ông P, ông bà có vay của ông L số tiền 410.000.000 đồng để đáo hạn thanh toán nợ ngân hàng. Đến ngày 14/9/2022 ông, bà có vay mượn bên ngoài để thanh toán được cho ông L 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) thì hết khả năng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Nay bà H thừa nhận còn nợ ông L số tiền 210.000.000 đồng nhưng xin trả dần số nợ trên thành 04 kỳ tương ứng với bốn vụ thu hoạch lúa kể từ vụ hè thu năm 2023. Đồng thời yêu cầu nguyên đơn không tính thêm tiền lãi trên khoản nợ này.

Tại bản tự khai ngày 19/3/2023 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trương Hồng P trình bày:

Ông chỉ là người giới thiệu để bà H và ông V1 được vay tiền của ông L còn ông không liên quan gì đến việc vay nợ của các bên. Do bà H nhầm tưởng là tiền của ông nên khi viết “Giấy mượn tiền” đã ghi nhầm tên ông là bên cho vay. Ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự thủ tục giải quyết vụ án. Tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án.

- Về nội dung Viện kiểm sát cho rằng: Hợp đồng vay tài sản 410.000.000 đồng giữa ông L và vợ chồng bà H, ông V1 được các bên tự nguyện xác lập vào ngày 03/7/2022. Ngày 21/7/2022, các bên có làm biên nhận nợ với nhau và hẹn đến ngày 21/9/2022 sẽ thanh toán toàn bộ số tiền nợ. Tuy nhiên, đến ngày 14/9/2022, bà H, ông L chỉ trả được cho ông L số tiền 200.000.000 đồng và còn nợ lại 210.000.000 đồng và phải tiếp tục thanh toán vi phạm nghĩa vụ thanh toán đồng thời còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo quy định tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ. Do đó, đề nghị HĐXX tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 210.000.000 đồng và phải trả lãi theo quy định tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ.

2. Về án phí: Buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm và hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Trương Tấn L yêu cầu bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Văn V1 trả số tiền 210.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định kể từ ngày 21/9/2022 đến khi giải quyết xong vụ án, đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại ấp K, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Được ông Trương Hồng P giới thiệu, ngày 03/7/2022, bà Huỳnh Thị H và chồng là ông Nguyễn Văn V1 có vay của ông Trương Tấn L số tiền 410.000.000 đồng để đáo hạn trả nợ ngân hàng, ông, bà hứa khi đáo hạn ngân hàng xong sẽ trả lại ông L toàn bộ số tiền trên và trả thêm một phần tiền lãi. Tuy nhiên do ông V1, bà H không thực hiện đúng cam kết nên ngày 21/7/2022 ông, bà có làm giấy nhận

nợ với ông L hạn đến ngày 21/9/2022 sẽ trả toàn bộ số tiền trên. Vào ngày 14/9/2022 bà H, ông V1 có trả cho ông L số tiền 200.000.000 đồng và còn nợ lại 210.000.000 đồng. Do nhiều lần yêu cầu yêu cầu bị đơn tiếp tục thanh toán khoản nợ còn lại nhưng không có kết quả nên ông L đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện G yêu cầu bà H và ông V1 thanh toán toàn bộ số tiền nợ là 210.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày 21/9/2022 cho đến khi vụ án được giải quyết xong. Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho tòa án: Giấy mượn tiền; giấy ủy quyền được UBND xã T, huyện G chứng thực ngày 12/12/2022.

Mặt khác, tại các bản tự khai ngày 29/12/2022, 22/5/2023, biên bản hòa giải ngày 29/5/2023 tại Tòa án nhân dân huyện G bà Huỳnh Thị H1 và chồng là ông Nguyễn Văn V1 đều thừa nhận còn nợ của ông L số tiền 210.000.000 đồng nhưng đến nay chưa thanh toán là vi phạm quy định về nghĩa vụ bên vay, cụ thể tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn có xin trả dần số nợ trên thành 04 kỳ tương ứng với bốn vụ thu hoạch lúa kể từ vụ hè thu năm 2023, yêu cầu này không được nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở để HĐXX ghi nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi trên nợ gốc kể từ ngày 21/9/2022 của nguyên đơn HĐXX thấy rằng, ông L thống nhất cho bị đơn thời hạn đến ngày 21/9/2022 trả hết toàn bộ số tiền nợ là 410.000.000 đồng nhưng đến hạn bị đơn chỉ trả được 200.000.000 đồng và còn nợ 210.000.000 đồng. Do đó, thời điểm bắt đầu tính lãi được xác định kể từ ngày 21/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa hôm nay, ông V (đại diện nguyên đơn) và bà H, ông V1 đều cho rằng các bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không xác định được mức lãi suất cụ thể là bao nhiêu nên HĐXX sẽ căn cứ theo khoản 2 Điều 468 để xem xét quyết định cụ thể như sau:

“... Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ. ...”

Tiền lãi suất tính từ ngày 21/9/2022 đến ngày xét xử 25/7/2023 (10 tháng 04 ngày) với mức lãi suất là 10%/năm của khoản tiền vay 210.000.000 đồng

Cụ thể: $10\%/năm \times 210.000.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ tháng } 04 \text{ ngày} = 17.733.000 \text{ đồng}$

Tổng cộng tiền gốc và lãi phải thanh toán là 210.000.000 đồng + 17.733.000 đồng = 227.733.000đ (Hai trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng)

[3] Về án phí:

Nguyên đơn ông Trương Tấn L được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận

Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị H, ông Nguyễn Văn V1 chịu án phí của vụ án là 227.733.000 đồng x 5%

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Tấn L đối với bị đơn bà Huỳnh Thị H, ông Nguyễn Văn V1

Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Văn V1 có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn ông Trương Tấn L số tiền là 227.733.000 đồng (*Hai trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng*)

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Trương Tấn L được hoàn lại tiền án phí đã nộp là 5.250.000 đồng (Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002721, ngày 14/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Văn V1 chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.386.650 đồng (Mười một triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- CC THA DS huyện G;
- Những người TGTT;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Hồng Phong